

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CATECH VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CATECH VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CATECH VIET NAM DEVELOPMENT TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CATECH VIET NAM DT ., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108364595

3. Ngày thành lập: 13/07/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm Quỳnh Lân 2, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 098.5392722

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653(Chính)
2.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
3.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
4.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
5.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
6.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
7.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
8.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
9.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
10.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
11.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
12.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
13.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
14.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
15.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
16.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
17.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
18.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
19.	Đúc sắt, thép	2431
20.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622

21.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
22.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
23.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
24.	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
25.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
26.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi (Trừ loại đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội)	3240
27.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
28.	Xây dựng công trình công ích	4220
29.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
30.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;	4329
31.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);	4513
32.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
33.	Cho thuê xe có động cơ	7710
34.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
35.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
36.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất, nhập khẩu hàng hóa	8299
37.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
38.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
39.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); máy móc, thiết bị y tế; Buôn bán thiết bị công nghiệp nặng, dây chuyền sản xuất trong công nghiệp và dân dụng; máy móc, thiết bị vật tư điện, điện tử, điện lạnh, tự động hoá;	4659
40.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
41.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
42.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
43.	Phá dỡ	4311
44.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
45.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);	4511

46.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa ô tô: - Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ: + Bảo dưỡng thông thường	4520
47.	Quảng cáo	7310
48.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
49.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
50.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
51.	Sản xuất xe có động cơ	2910
52.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
53.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
54.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
55.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
56.	Sản xuất máy luyện kim	2823
57.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
58.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
59.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
60.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
61.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
62.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
63.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
64.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
65.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
66.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chỉ gồm có: Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
67.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
68.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
69.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
70.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
71.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
72.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
73.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813

74.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
-----	-----------------------------	------

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THÀNH NAM	Thôn Quỳnh Đô, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	270.000	2.700.000.000	45,000	0360870009 17	
			Tổng số	270.000	2.700.000.000	45,000		
2	NGUYỄN THỊ NHUNG	Thôn Quỳnh Đô, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	5,000	0011920043 52	
			Tổng số	30.000	300.000.000	5,000		
3	NGUYỄN THỊ THUẬN	Số 43, phố Mai Bang, khu 2, Phường Suối Hoa, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	50,000	125909771	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	50,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ NHUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 22/02/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001192004352

Ngày cấp: 16/09/2015

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Quỳnh Đô, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Quỳnh Đô, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội